

THAM LUẬN

Đánh giá hiệu quả quy định pháp luật và áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình trong công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền của phụ nữ trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình

(Hội nghị Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân gia đình 2014)

Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

* * * * *

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật HNGĐ 2014) được Quốc hội khóa XIII thông qua trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh tiến trình đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng, đồng thời cam kết thực hiện nhiều điều ước quốc tế quan trọng về quyền con người, đặc biệt là Công ước CEDAW về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. Sau 10 năm thi hành, Luật HNGĐ 2014 đã khẳng định vai trò là đạo luật nền tảng điều chỉnh các quan hệ hôn nhân và gia đình, góp phần quan trọng trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, trong đó có quyền của phụ nữ.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành pháp luật hôn nhân và gia đình cũng cho thấy, bên cạnh những kết quả tích cực, vẫn còn không ít khó khăn, vướng mắc, bất cập trong cả quy định pháp luật và quá trình áp dụng, đặc biệt khi đặt trong bối cảnh biến đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế – xã hội, sự đa dạng của các mô hình gia đình, cũng như những thách thức mới đối với phụ nữ trong hôn nhân và gia đình.

Tham luận này tập trung đánh giá hiệu quả của các quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng Luật HNGĐ 2014 trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền của phụ nữ; phân tích một số hạn chế, bất cập từ thực tiễn xét xử và thi hành pháp luật; từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi trong thời gian tới.

II. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH TRONG BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA PHỤ NỮ

1. Quy định pháp luật về nguyên tắc bình đẳng giới trong hôn nhân và gia đình

Trải qua nhiều giai đoạn lập pháp, từ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959, 1986, 2000 và đến Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hệ thống pháp luật của nước ta đã ngày càng thể hiện rõ nguyên tắc bình đẳng giới, tôn trọng

quyền tự do kết hôn, bảo vệ phụ nữ và trẻ em, bảo đảm sự ổn định và tiến bộ của gia đình Việt Nam. Điều 4 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định Nhà nước có chính sách, biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc và thực hiện đầy đủ chức năng của mình.

So với Luật HNGĐ năm 2000, Luật HNGĐ 2014 đã có nhiều quy định cụ thể hơn nhằm bảo đảm quyền của phụ nữ, đặc biệt trong các lĩnh vực: xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; bảo vệ phụ nữ trước các hành vi bạo lực gia đình; bảo đảm quyền tài sản, quyền nhân thân; bảo vệ quyền của phụ nữ khi ly hôn; và bảo đảm quyền làm mẹ, quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con.

2. Quyền của phụ nữ trong xác lập và duy trì quan hệ hôn nhân

Luật HNGĐ 2014 tiếp tục khẳng định nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng. Các quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, cấm tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn... đã tạo hành lang pháp lý quan trọng nhằm bảo vệ quyền tự do kết hôn của phụ nữ. Các quy định này đã góp phần hạn chế đáng kể tình trạng tảo hôn, hôn nhân ép buộc, đặc biệt ở một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy, ở một số địa bàn, phụ nữ vẫn chịu áp lực từ phong tục, tập quán, định kiến giới, dẫn đến việc quyền tự do kết hôn chưa được bảo đảm đầy đủ, nhất là trong các trường hợp kết hôn sớm, kết hôn vì lợi ích kinh tế hoặc chịu sự chi phối của gia đình, dòng họ. Một trong những điều kiện quan trọng của việc kết hôn đó là tuổi kết hôn, theo đó tuổi kết hôn của nữ từ 18 tuổi trở lên, tuổi kết hôn của nam từ 20 tuổi trở lên (Điều 8 Luật HNGĐ 2014). Điều này không phải là sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ mà căn cứ vào điều kiện phát triển lứa tuổi tâm sinh lý người Việt Nam, nhằm đảm bảo cho nam nữ khi kết hôn ở độ tuổi tối thiểu vẫn đảm đương được trách nhiệm làm vợ - chồng, làm cha – mẹ, đồng thời sinh con khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ. Trong thực tế, có nhiều trường hợp kết hôn không đúng độ tuổi quy định đã được các cơ quan có thẩm quyền trong khi giải quyết vụ việc dân sự phát hiện và tuyên huỷ kết hôn trái pháp luật. Qua theo dõi thực tiễn, có thể nhận thấy rằng phần lớn các trường hợp kết hôn trái pháp luật chỉ được phát hiện khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ việc ly hôn hoặc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Điều này cho thấy vẫn còn tồn tại khoảng trống trong công tác quản lý nhà nước về đăng ký và xác nhận điều kiện kết hôn, đặc biệt là việc xác minh độ tuổi kết hôn và tình trạng hôn nhân của các bên trước khi đăng ký kết hôn. . Hiện nay, trong bối cảnh cải

cách thủ tục hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch, hôn nhân, việc làm sạch và liên thông dữ liệu về kết hôn, ly hôn, tình trạng độc thân nếu được triển khai hiệu quả sẽ góp phần bảo đảm kết hôn đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cần tiếp tục rà soát, đánh giá việc triển khai trong thực tiễn, đồng thời ban hành hướng dẫn thống nhất về xử lý các trường hợp phát hiện kết hôn trái pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em.

3. Quyền của phụ nữ trong quan hệ tài sản vợ chồng

Một trong những điểm tiến bộ nổi bật của Luật HNGĐ 2014 là quy định linh hoạt hơn về chế độ tài sản của vợ chồng. Luật cho phép vợ chồng lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật định hoặc theo thỏa thuận, qua đó tạo điều kiện để phụ nữ chủ động hơn trong việc bảo vệ quyền tài sản của mình. Bên cạnh đó, các quy định về tài sản chung, tài sản riêng, nguyên tắc chia tài sản khi ly hôn (Điều 59) đã thể hiện rõ quan điểm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ, đặc biệt là việc ghi nhận công sức đóng góp của vợ, kể cả lao động nội trợ, chăm sóc gia đình, được coi là lao động có thu nhập.

Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết các tranh chấp tài sản khi ly hôn cho thấy, việc chứng minh tài sản chung, tài sản riêng và công sức đóng góp của vợ chồng vẫn là một trong những nội dung khó khăn và dễ phát sinh bất lợi cho phụ nữ. Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ không có thu nhập ổn định, phụ nữ ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, thường ở vị thế yếu hơn trong việc tiếp cận thông tin pháp luật, thu thập chứng cứ và sử dụng các dịch vụ pháp lý cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong nhiều trường hợp, phụ nữ không trực tiếp đứng tên tài sản, dẫn đến khó khăn trong việc chứng minh quyền sở hữu hoặc công sức đóng góp khi xảy ra tranh chấp.

Bên cạnh những khó khăn mang tính khách quan, thực tiễn cũng cho thấy cách hiểu và áp dụng pháp luật về chia tài sản vợ chồng chưa thực sự thống nhất, tồn tại sự khác biệt đáng kể giữa các địa phương và thậm chí giữa các cấp xét xử. Mặc dù Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP đã có bước tiến quan trọng khi hướng dẫn rõ rằng *“người vợ hoặc chồng ở nhà chăm sóc con, gia đình mà không đi làm được tính là lao động có thu nhập tương đương với thu nhập của vợ hoặc chồng đi làm”*, song trên thực tế, việc áp dụng quy định này vẫn gặp nhiều vướng mắc phụ thuộc vào quan điểm của người tiến hành tố tụng: có xu hướng coi đóng góp kinh tế trực tiếp là tiêu chí chủ yếu để đánh giá công sức đóng góp, trong khi chưa đánh giá đầy đủ, toàn

diện vai trò của phụ nữ trong lao động nội trợ, chăm sóc con cái, duy trì đời sống gia đình – những đóng góp mang tính nền tảng nhưng khó định lượng bằng tiền. Mặt khác, Thông tư đồng thời cho phép Tòa án áp dụng nguyên tắc “*bên có công sức đóng góp nhiều hơn thì được chia nhiều hơn*”, nhưng chưa có tiêu chí cụ thể, định lượng hoặc hướng dẫn chi tiết để xác định thế nào là “công sức đóng góp nhiều hơn” trong từng trường hợp cụ thể.

Chính khoảng trống này đã dẫn đến việc quyết định tỷ lệ chia tài sản trong một số vụ án phụ thuộc đáng kể vào quan điểm chủ quan và đánh giá cá nhân của người tiến hành tố tụng, thay vì dựa trên các tiêu chí thống nhất, minh bạch. Trong thực tiễn, có những vụ việc, dù người vợ đã dành phần lớn thời gian cho việc nội trợ, chăm sóc con cái, hy sinh cơ hội học tập, nghề nghiệp để hỗ trợ chồng phát triển sự nghiệp, nhưng khi ly hôn vẫn chỉ được chia phần tài sản bằng hoặc thấp hơn người chồng với lý do “không có đóng góp kinh tế trực tiếp” hoặc “không chứng minh được công sức vượt trội”. Cách tiếp cận này, dù không trái với quy định pháp luật về mặt hình thức, nhưng chưa thực sự phản ánh đầy đủ tinh thần bảo đảm bình đẳng giới và bảo vệ quyền của phụ nữ mà Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hướng tới.

Điều này cho thấy, nếu Hội đồng xét xử có nhạy cảm giới, thấm nhuần nguyên tắc bình đẳng giới thì các phán quyết phân chia tài sản sẽ đảm bảo quyền lợi công bằng của bên vợ/chồng ở nhà chăm sóc con, gia đình mà không đi làm và ngược lại.

4. Quyền của phụ nữ trong quan hệ cha mẹ – con và khi ly hôn

Luật HNGĐ 2014 tiếp tục khẳng định nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em, đồng thời gắn chặt với việc bảo vệ quyền làm mẹ của phụ nữ. Các quy định về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con; về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; về cấp dưỡng... đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích của phụ nữ và trẻ em. Theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Đây là quy định mang tính ưu tiên đặc thù, xuất phát từ đặc điểm sinh lý, tâm lý của trẻ em ở độ tuổi còn phụ thuộc nhiều vào sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời thể hiện rõ chính sách pháp luật nhằm bảo vệ quyền làm mẹ của phụ nữ.

Bên cạnh đó, tại Án lệ số 54/2022/AL, trường hợp người mẹ tự ý rời khỏi gia đình từ khi con còn rất nhỏ, không thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con; trong khi người cha là người trực tiếp nuôi dưỡng con trong điều kiện ổn định, phù hợp, và trẻ đã quen với môi trường sống này thì trường hợp này, Tòa án tiếp tục giao con dưới 36 tháng tuổi cho người cha trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Án lệ này có ý nghĩa tích cực trong việc khẳng định nguyên tắc lấy lợi ích tốt nhất của trẻ em làm trọng tâm, đồng thời tránh áp dụng máy móc quy định ưu tiên giao con dưới 36 tháng tuổi cho mẹ.

Tuy nhiên, thực tiễn đối với các vụ việc mà người mẹ rời khỏi gia đình xuất phát từ nguyên nhân bị bạo lực gia đình, bị đe dọa hoặc không bảo đảm an toàn về thân thể, tinh thần thì cần được xem xét, làm rõ nguyên nhân để quyết định hay không quyết định áp dụng án lệ 54. Chính vì vậy, sau tổng kết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần nghiên cứu sửa đổi bổ sung quy định cụ thể về điều kiện và thứ tự ưu tiên xem xét trong trường hợp người mẹ không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con dưới 36 tháng tuổi. Đặc biệt, cần làm rõ nguyên nhân người mẹ rời khỏi gia đình, theo đó trường hợp người mẹ rời đi do bị bạo lực gia đình, bị đe dọa hoặc không bảo đảm an toàn về thân thể, tinh thần thì không được coi là “tự ý rời khỏi gia đình” và không làm căn cứ bất lợi cho người mẹ khi quyết định quyền trực tiếp nuôi con.

5. Nghĩa vụ cấp dưỡng sau ly hôn

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có những quy định tương đối đầy đủ về nghĩa vụ cấp dưỡng, nguyên tắc xác định mức cấp dưỡng, phương thức và thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy nội dung cấp dưỡng sau ly hôn vẫn là một trong những khâu gặp nhiều trở ngại nhất trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em và người trực tiếp nuôi con.

Một trong những khó khăn lớn nhất là việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng trên thực tế phụ thuộc rất nhiều vào ý chí chủ quan của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, thường là người không trực tiếp nuôi con. Mặc dù bản án, quyết định của Tòa án đã xác định rõ mức cấp dưỡng và nghĩa vụ phải thực hiện, song trong nhiều trường hợp, người có nghĩa vụ không tự nguyện thực hiện hoặc chỉ thực hiện trong thời gian đầu, sau đó chậm trễ, né tránh, thậm chí cố tình trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng. Điều này khiến người trực tiếp nuôi con phải gánh thêm áp lực kinh tế và tâm lý.

Từ góc độ bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em, có thể thấy rằng, khi nghĩa vụ cấp dưỡng không được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả, gánh nặng kinh tế

và trách nhiệm chăm sóc con cái đặt nặng đối với người nuôi dưỡng trực tiếp. Từ đó đặt ra vấn đề về chế tài xử lý để quy định về cấp dưỡng được thực thi hiệu quả trong thực tế, bảo đảm tính nhân văn của quy định..

6. Bảo vệ phụ nữ trước bạo lực gia đình và các hành vi xâm hại

Luật HNGĐ 2014, cùng với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và các văn bản liên quan, đã góp phần tạo khung pháp lý để bảo vệ phụ nữ trước các hành vi bạo lực trong gia đình. Các quy định về cấm bạo lực gia đình, quyền yêu cầu ly hôn của người bị bạo lực, các biện pháp bảo vệ khẩn cấp... đã được áp dụng trong thực tiễn.

Khoản 1 Điều 65 quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình...*”. Tuy nhiên, các hành vi bạo lực gia đình rất đa dạng. Nếu như những hành vi về bạo lực thể chất có thể thu thập đơn giản hơn thông qua biên bản xác minh của chính quyền địa phương, kết luận giám định thương tích, xác nhận của cơ sở y tế, lời khai nhân chứng... thì việc đưa ra các chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp bị bạo lực về tinh thần, kinh tế, tình dục là rất khó. Trong khi đó, việc đánh giá chứng cứ chủ yếu vẫn dựa vào các biểu hiện bề ngoài hoặc tài liệu hữu hình, dễ dẫn đến việc chưa ghi nhận đầy đủ mức độ tổn thương tinh thần và xâm hại quyền nhân thân của phụ nữ trong đời sống hôn nhân.

Vấn đề đặt ra là mặc dù khung pháp lý về phòng, chống bạo lực gia đình đã được thiết lập, song hiệu quả bảo vệ phụ nữ trong giải quyết việc ly hôn do bạo lực gia đình vẫn phụ thuộc rất lớn vào cách tiếp cận và kỹ năng đánh giá chứng cứ của người áp dụng pháp luật. Việc thiếu các hướng dẫn cụ thể về chứng minh bạo lực tinh thần, bạo lực tình dục; thiếu cơ chế thu thập chứng cứ thân thiện với nạn nhân; cùng với tâm lý e ngại, định kiến giới vẫn còn tồn tại, đã làm giảm hiệu quả bảo vệ quyền của phụ nữ trong một số vụ việc cụ thể.

III. MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM Thực hiện trách nhiệm của Hội theo quy định tại Khoản 3 Điều 4¹, Hội LHPN Việt Nam đã thực hiện nhiều hoạt động và đạt được những kết quả tích cực trong công tác thi hành pháp luật Hôn nhân và gia đình. Cụ thể:

¹ Khoản 3 Điều 4 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giáo dục, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các thành viên của mình và mọi công dân xây dựng gia đình văn hóa; kịp thời hòa giải mâu thuẫn trong gia đình, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên gia đình*”

Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các cấp Hội xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các nội dung của Luật, chú trọng các nội dung đảm bảo quyền của phụ nữ và bình đẳng giới trong các quan hệ hôn nhân và gia đình: Thực hiện vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức Hội theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Ban chấp hành, Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam xác định nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thông qua triển khai nhiều hoạt động đảm bảo quyền của phụ nữ trong quan hệ hôn nhân và gia đình, ghi nhận tại Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII. Cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*”² gắn với Chương trình mục tiêu Xây dựng nông thôn mới được Hội LHPN Việt Nam phát động trong toàn thể gia đình hội viên, phụ nữ có ý nghĩa thiết thực nhằm vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình hạnh phúc. Xây dựng và triển khai các đề án Chính phủ nhằm hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình có ý nghĩa rất lớn, tạo cơ chế, điều kiện để các cấp Hội thực hiện nhiệm vụ vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình³.

Các hoạt động truyền thông, tư vấn pháp luật, hòa giải cơ sở, hỗ trợ pháp lý cho phụ nữ được triển khai rộng khắp: Số liệu trong 5 năm (2021 – 2025) của TW Hội LHPN Việt Nam cho biết, các cấp Hội đã Tổ chức 329.726 cuộc, sự kiện truyền thông về giáo dục gia đình, phòng chống bạo lực, xây dựng gia đình hạnh phúc, với **48.345.199** lượt hội viên, phụ nữ, người dân tham gia; (2) Trên **30 triệu** cha mẹ, hội viên, phụ nữ có con dưới 16 tuổi được tiếp cận thông tin, kiến thức về giáo dục làm cha mẹ; (3) Hơn **55.373** lượt nam nữ thanh niên, trẻ vị thành niên được tập huấn, truyền thông về giáo dục kỹ năng sống, xây dựng gia đình; (4) 90 % phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện tiếp cận ít nhất một dịch vụ trợ giúp xã hội; (5) 100% các cơ sở Hội có mô hình truyền thông, giáo dục về xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững: Thành lập mới hơn **10.000** “*Tổ truyền thông cộng đồng*” góp phần thay đổi “*nếp nghĩ, cách làm*”, xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới, những tập tục lạc hậu, xây dựng gia đình bình đẳng, văn minh⁴; trên **18.000** câu lạc bộ xây dựng gia đình hạnh phúc; hơn **5000** mô hình giáo dục cha mẹ; **2.026** câu lạc bộ “*Thủ lĩnh của sự thay đổi*”; hơn **26.000** mô hình CLB xây

² 5 không: không đói nghèo, không bạo lực gia đình, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không sinh con thứ ba trở lên, không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học; 3 sạch: bếp sạch, nhà sạch, ngõ sạch.

³ Đề án 279 “Phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đến năm 2020”; Đề án 404 “Hỗ trợ, phát triển nhóm trẻ độc lập tự thực ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến 2020”; Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp”; Đề án 938 “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027”

⁴ Trên 370.000 lượt người dân về phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, tảo hôn và hôn nhân cận huyết; vận động xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới, tập tục lạc hậu có hại cho bình đẳng giới.

dựng gia đình 5 có, 3 sạch; **2.312** Địa chỉ tin cậy. Qua các hoạt động đã thu hút và lan tỏa tình yêu thương, gắn kết gia đình, góp phần định hướng, nâng cao nhận thức của cán bộ, hội viên, phụ nữ, nam nữ, thanh niên và cộng đồng về vai trò, vị trí, giá trị của gia đình trong thời kỳ mới, đặc biệt phát huy vai trò của nam giới trong mỗi gia đình, xã hội trong xây dựng, vun đắp hạnh phúc gia đình và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Các cấp Hội đã triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả nhiều hoạt động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tập trung vào ba nhóm chính: (1) Hỗ trợ phụ nữ nâng cao quyền năng kinh tế thông qua các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp nữ; thành lập và nâng cao chất lượng hợp tác xã, tổ hợp tác do phụ nữ quản lý; tư vấn nghề, giới thiệu việc làm; xây dựng mô hình sinh kế; hỗ trợ giáo dục tài chính, tiếp cận các nguồn vốn vay phát triển kinh tế, thoát nghèo bền vững; (2) Hỗ trợ kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình, phát triển kinh tế, vun đắp hạnh phúc gia đình; (3) Hỗ trợ an sinh xã hội cho phụ nữ và trẻ em, đặc biệt ở vùng khó khăn, vùng chịu ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh thông qua vận động nguồn lực hỗ trợ nhà ở/mái ấm tình thương, mái ấm biên cương; tặng quà/nhu yếu phẩm cho phụ nữ; tặng học bổng cho học sinh nghèo, mồ côi thông qua vai trò người mẹ đỡ đầu; hỗ trợ xây dựng công trình dân sinh, nước sạch, vệ sinh môi trường nâng cao chất lượng cuộc sống.

Công tác lên tiếng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em được các cấp Hội chú trọng. Từ năm 2022 đến tháng 12/2024 đã có gần **5.000** vụ việc liên quan bạo lực, xâm hại phụ nữ trẻ em được các cấp Hội tham gia tư vấn giải quyết; phát hiện hơn **1.600** trường hợp phụ nữ và trẻ em bị bạo lực gia đình, bị buôn bán; giúp đỡ hỗ trợ gần **1.500** trường hợp tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ trợ giúp xã hội. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư được các cấp Hội thực hiện đúng quy định, quy chế về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo, kiến nghị, phản ánh của hội viên, phụ nữ và người dân; sự chủ động, kịp thời của các cấp Hội gắn với truyền thông trọng tâm đã nhận được sự quan tâm, tiếp thu, hỗ trợ của các cơ quan chức năng⁵.

Thực hiện các quyền của Hội theo quy định của Luật: Luật HNGĐ năm 2014 quy định cụ thể 05 trường hợp Hội LHPN Việt Nam có quyền khởi kiện

⁵ Báo cáo số 628/BC-ĐCT ngày 29/8/2025 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về kết quả 05 năm thực hiện Chỉ thị 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới; Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 và Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030

vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em⁶. Qua thực tiễn 10 năm triển khai Luật, các cấp Hội chủ yếu thực hiện các quyền thông qua việc kiến nghị giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hôn nhân, gia đình bằng văn bản gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo từng trường hợp. Điển hình, TW Hội thực hiện quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn trong vụ án tranh chấp sau ly hôn của chị P tại Hải Phòng⁷.

Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài trực thuộc Hội LHPN tỉnh thực hiện tư vấn, hỗ trợ về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài góp phần làm lành mạnh hoá quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, phù hợp với nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, các Trung tâm cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu cán bộ chuyên trách, thiếu kinh phí hoạt động. Năm 2025, thực hiện chủ trương chính quyền địa phương hai cấp, sau khi thực hiện sáp nhập tỉnh, thành, số lượng các Trung tâm hiện tại còn hoạt động là 04 Trung tâm (Hải Phòng, Ninh Bình, Hà Nội, Vĩnh Long)

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Hoàn thiện quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình theo hướng bảo vệ tốt hơn quyền của phụ nữ

- Trong bối cảnh cải cách thủ tục hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch, hôn nhân, liên thông dữ liệu về kết hôn, ly hôn, tình trạng độc thân, cần tiếp tục rà soát, đánh giá việc triển khai trong thực tiễn, đồng thời ban hành hướng dẫn thống nhất về xử lý các trường hợp phát hiện kết hôn trái pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em..

⁶ Quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (Khoản 2 Điều 10); quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn (Khoản 5 Điều 84); quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên (Khoản 2 Điều 86); quyền yêu cầu Tòa án xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự; xác định con cho cha mẹ chưa thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự (Khoản 3 Điều 102); quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng (Khoản 2 Điều 119).

⁷ Tại Bản án sơ thẩm số 39/2022/HNGĐ-ST ngày 19/9/2022 của TAND quận H, thành phố Hải Phòng đã giao con chung cho bố nuôi dưỡng, Theo trình bày của chị P, bố thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình (quát mắng con, bạo lực với vợ, xé quần áo vợ trước mặt con, thậm chí bắt con chứng kiến “chuyện vợ chồng”). Nhận thấy Bản án sơ thẩm chưa phù hợp, TW Hội LHPN Việt nam đã có văn bản kiến nghị số 1196/ĐCT-CSLP ngày 12/12/2022 gửi TAND thành phố Hải Phòng đề nghị giao con cho chị P nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, Hội LHPN thành phố Hải Phòng có văn bản số 316/HPN-TGCSLP ngày 26/12/2022 đề nghị được tham dự phiên toà phúc thẩm. Tại Bản án số 28/2022/HNGĐ-PY ngày 28/12/2022, TAND thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định giao con chung cho chị P nuôi dưỡng.

- Bổ sung quy định về việc xác định công sức đóng góp của vợ, chồng trong việc tạo dựng, duy trì, phát triển khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, trong đó cần lượng hóa giá trị nội trợ, chăm sóc gia đình không được hưởng lương, có tiêu chí cụ thể, định lượng hoặc hướng dẫn chi tiết để xác định thế nào là “*công sức đóng góp nhiều hơn*” trong từng trường hợp cụ thể.

- Có hướng dẫn về điều kiện cụ thể và thứ tự ưu tiên xem xét các điều kiện trong trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con dưới 36 tháng tuổi, đặc biệt làm rõ nguyên nhân người mẹ người mẹ tự ý rời khỏi gia đình từ khi con còn rất nhỏ, có quy định cụ thể trong trường hợp người mẹ rời khỏi gia đình xuất phát từ nguyên nhân bị bạo lực gia đình, bị đe dọa hoặc không bảo đảm an toàn về thân thể, tinh thần thì không được tính là người mẹ tự ý rời khỏi gia đình từ khi con còn rất nhỏ không thực hiện việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Hoàn thiện các quy định và cơ chế thực thi liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng sau ly hôn theo hướng tăng cường tính khả thi và hiệu lực thi hành, trong đó cần chú trọng đến các giải pháp như: nâng cao trách nhiệm của cơ quan thi hành án dân sự; tăng cường biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng; đồng thời có cơ chế hỗ trợ kịp thời đối với người trực tiếp nuôi con khi người có nghĩa vụ cố tình trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Có quy trình đặc biệt rút ngắn thủ tục ly hôn cho nạn nhân bạo lực gia đình, đồng thời tiếp tục hoàn thiện các quy định và hướng dẫn áp dụng pháp luật theo hướng giảm gánh nặng chứng minh cho nạn nhân bạo lực gia đình, tăng cường trách nhiệm chủ động xác minh của cơ quan tiến hành tố tụng.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật HNGĐ và các văn bản hướng dẫn theo hướng cụ thể hóa hơn nữa nguyên tắc bình đẳng giới; tăng cường các quy định bảo vệ phụ nữ trong quan hệ tài sản, trong ly hôn, trong phòng, chống bạo lực gia đình; tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Nghiên cứu, bổ sung trong Luật các quy định về phát triển và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ gia đình, bao gồm tư vấn hôn nhân, tư vấn tâm lý, hỗ trợ pháp lý và hỗ trợ xã hội, nhằm góp phần xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh trong bối cảnh mới.

2. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về giới, quyền con người và quyền của phụ nữ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp

Việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về giới, quyền con người và quyền của phụ nữ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp cần được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài. Nội dung đào tạo không chỉ dừng lại ở việc phổ biến quy định pháp luật, mà cần đi sâu vào phân tích các tình huống thực tiễn, các bản án điển hình, các vụ việc có yếu tố bất bình đẳng giới, từ đó giúp cán bộ nâng cao khả năng nhận diện rủi ro xâm phạm quyền của phụ nữ trong quá trình giải quyết vụ việc.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về giới, quyền con người, quyền của phụ nữ cho đội ngũ cán bộ tư pháp, thẩm phán, hòa giải viên. Bảo đảm việc áp dụng pháp luật thống nhất, khách quan, lấy quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em làm trọng tâm.

3. Phát huy vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể vai trò của Hội trong tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em theo quy định của pháp luật, đặc biệt là cơ chế cung cấp các bằng chứng phục vụ quá trình xác minh, xác định nạn nhân bạo lực gia đình của các cơ quan tư pháp và cơ quan tiến hành tố tụng. Mô hình Ngôi nhà Bình yên là một mô hình điểm của Hội đã thực hiện nhiều ca hỗ trợ cho nạn nhân bị bạo lực và cung cấp bằng chứng góp phần chứng minh căn cứ của phụ nữ khi bị bạo lực trong quá trình xét xử tại Tòa án.

Đồng thời, bổ sung quy định liên quan đến giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình.

V. KẾT LUẬN

Sau 10 năm thi hành, Luật HNGĐ 2014 đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền của phụ nữ trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trước những biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội và yêu cầu ngày càng cao về bảo vệ quyền con người, quyền của phụ nữ, việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi là yêu cầu cấp thiết. Với vai trò, trách nhiệm của mình, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần tiếp tục đồng hành cùng các cơ quan nhà nước và toàn xã hội trong việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật hôn nhân và gia đình, vì mục tiêu bình đẳng giới, tiến bộ và hạnh phúc của mỗi gia đình Việt Nam.

